Chi tiết mã HS 3203.00.10

Mã HS	3203.00.10
Mô tả hàng hóa	Các chất màu có nguồn gốc từ thực vật hoặc động vật (kể cả các chất chiết xuất nhuộm nhưng trừ muội than động vật), đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học; các chế phẩm đã được ghi trong Chú giải 3 của Chương này dựa trên chất màu có nguồn gốc từ thực vật hoặc động vật / - Loại sử dụng trong công nghiệp thực phẩm hoặc đồ uống
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	18/11/2026 03:27:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/32030010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4794
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4794
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4794
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4678
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4639
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4639
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4639
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4639
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4639
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4639
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4677
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4677
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4677
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4677

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4677
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4677
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4681
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4681
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4681
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4681
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4681
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4681
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4681
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4645
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4641
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4641
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4641
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4641
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4641
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4641
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4641
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4641
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4641
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4641
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4641
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4641
VCFTA	2022	2022	5	VC!D4688
VCFTA	2023	2023	5	VC!E4688
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4688
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4688

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4688
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4688
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4685
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4685
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4685
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4685
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4685
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4685
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4693
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4693
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4693
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4693
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4693
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4693
EVFTA	2022	2022	3,1	EV-NK!D4664
EVFTA	2023	2023	2,5	EV-NK!E4664
EVFTA	2024	2024	1,8	EV-NK!F4664
EVFTA	2025	2025	1,2	EV-NK!G4664
EVFTA	2026	2026	0,6	EV-NK!H4664
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4664
UKVFTA	2022	2022	3,1	UKV!D4666
UKVFTA	2023	2023	2,5	UKV!E4666
UKVFTA	2024	2024	1,8	UKV!F4666
UKVFTA	2025	2025	1,2	UKV!G4666
UKVFTA	2026	2026	0,6	UKV!H4666
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4666

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4664
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4664
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4664
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4664
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4664
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4664
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4664
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4685
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4685
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4685
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4685
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4685
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4685
RCEP B	2022	2022	0	B!D4685
RCEP B	2023	2023	0	B!E4685
RCEP B	2024	2024	0	B!F4685
RCEP B	2025	2025	0	B!G4685
RCEP B	2026	2026	0	B!H4685
RCEP B	2027	2027	0	B!I4685
RCEP C	2022	2022	0	C!D4685
RCEP C	2023	2023	0	C!E4685
RCEP C	2024	2024	0	C!F4685
RCEP C	2025	2025	0	C!G4685
RCEP C	2026	2026	0	C!H4685
RCEP C	2027	2027	0	C!I4685
RCEP D	2022	2022	0	D!D4685

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4685
RCEP D	2024	2024	0	D!F4685
RCEP D	2025	2025	0	D!G4685
RCEP D	2026	2026	0	D!H4685
RCEP D	2027	2027	0	D!I4685
RCEP E	2022	2022	0	E!D4688
RCEP E	2023	2023	0	E!E4688
RCEP E	2024	2024	0	E!F4688
RCEP E	2025	2025	0	E!G4688
RCEP E	2026	2026	0	E!H4688
RCEP E	2027	2027	0	E!I4688
RCEP F	2022	2022	0	F!D4685
RCEP F	2023	2023	0	F!E4685
RCEP F	2024	2024	0	F!F4685
RCEP F	2025	2025	0	F!G4685
RCEP F	2026	2026	0	F!H4685
RCEP F	2027	2027	0	F!I4685
VIFTA	2024	2024	3.3	VI!F4319
VIFTA	2025	2025	1.7	VI!G4319
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4319
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4319

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)		15/2024/TT-BYT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3203.00 có 2 dòng thuế; dòng 3203.00.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại sử dụng trong công nghiệp thực phẩm hoặc đồ uống.	3203.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3203.00.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3203.00.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4794), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.